

Bản án số: **72 /2018/HSPT**

Ngày: 16-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Bùi Văn Thanh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thanh Thọ, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Đức Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 139/2017/HSPT ngày 20/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7 (trước đây là TDP 8), phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: trồng rừng; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ và có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2013 đến ngày 18/11/2013 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

Nguyên đơn dân sự : Hợp tác xã Nông nghiệp HH II.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự : Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1967 - Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp HH II. Có mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn Th và bà Hoàng Thị C; cùng trú tại tổ dân phố 7, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông Bùi Văn Th.

2. Bà Hoàng Thị M; trú tại: tổ dân phố 7, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp bà M: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1963. Trú tại tổ dân phố 7, phường HH, thị xã HT. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị V; trú tại: tổ dân phố 12, phường HH, thị xã HT. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Vân: Ông Nguyễn Văn U.

4. Ông Nguyễn Văn L, trú tại: tổ dân phố 12, phường HH, thị xã HT tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Hồ Văn T, trú tại: tổ dân phố 12, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Ông Phan Thanh T, trú tại: 13/317 ĐBP, phường TA, thành phố H, Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T (K), trú tại: Thôn HC I, xã HT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Chị Phạm Thị Bích H, trú tại: thôn TH, xã BT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Ông Trần Thiện B, trú tại: tổ dân phố 11, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

10. Ông Lê Chiêu H, trú tại tổ dân phố 12, phường HH, thị xã HT Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn T; trú tại 3/110 NL, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/12/2012, Nguyễn Văn Q đã hợp đồng thuê anh Lê Văn TR khai hoang, cuốc gốc và đốt sạch thực bì trên diện tích rừng thông của Hợp tác xã nông nghiệp HH II tại tiểu khu 112 và 113 thuộc dãy núi KN, phường HH, thị xã HT. Anh TR đã gọi điện cho các anh Lê Văn H và Phan Văn T đi làm cùng. Sau đó, Q đã chỉ chỗ và hướng dẫn cho các anh TR, H và T làm đường ranh để đốt thực bì. Các anh Tr, H và T phát đường ranh, thu gom một số lau lách thành từng khóm rồi dùng bật lửa đốt nhiều lần, trong 4 - 5 ngày thì đốt xong. Quá trình đốt đã làm cháy 13 cây thông có đường vành từ 21cm- 60cm trong khu vực rừng nói trên.

Sau khi đốt thực bì xong, chiều ngày 20/3/2013, Nguyễn Văn Q gọi điện cho anh Nguyễn Văn T là người làm nghề khai thác rừng thuê, đến khai thác cây thông cho Q, anh T đồng ý. Anh T gọi thêm một số người chuyên làm nghề khai thác rừng gồm: anh Phạm Văn D, anh Nguyễn Văn T, anh Tống Văn V, chị Nguyễn Thị E, chị Hồ Thị Thúy N, chị Mai Thị T, chị Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Vũ K (lái xe ô tô tải BKS 75K-0917) cùng đi với T đến vùng núi KN để chặt phá và chở cây thông thuê cho Q. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/3/2013, Nguyễn Văn Q dẫn nhóm anh Toàn đến tiểu khu 112, 113 núi KN thuộc phường HH, thị xã HT. Q chỉ cho anh T cùng những người làm thuê số cây thông cần chặt phá. Do nghi ngờ đây là diện tích rừng tự nhiên nên anh T có hỏi thì Q nói với T và mọi người rằng số cây thông này là của Q. Sau khi chỉ cho T và mọi người biết số cây thông cần chặt phá thì Q đi về nhà. Tin lời của Q nên anh T trực tiếp dùng cưa máy cưa hạ tổng cộng 60 cây thông sau đó cưa ra thành 171 khúc gỗ thông còn những người khác thì chặt cành rồi vác lên xe ô tô tải của ông L để chở xuống tập kết tại bãi đất dưới dốc núi KN . Khi T và những người khai thác rừng đang vận chuyển số gỗ thông trên xuống dốc núi KN thì bị chính Q địa phương cùng Công an phường HH kiểm tra, phát hiện lập biên bản và thu giữ tang vật vụ án.

Tang vật vụ án được thu giữ gồm:

- 171 khúc gỗ thông tươi, trong đó: 12 khúc dài 2m, đường vanh 80 cm; 05 khúc dài 2m, đường vanh 90cm; 50 khúc dài 2m, đường vanh 60cm; 104 khúc dài 2m, đường vanh 45cm
- 01 chiếc cưa máy cầm tay có số hiệu STIHL MS 381 đã qua sử dụng.
- 01 sổ kiểm định an toàn giao thông đường bộ số 0425049 mang BKS 75K-0917 và 01 giấy đăng ký xe ô tô mang BKS 75K-0917.

Ngày 22/4/2013, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà ra quyết định trưng cầu giám định tài sản đối với 171 khúc gỗ thông có khối lượng $8,125m^3$. Qua giám định Hội đồng định giá tài sản thị xã Hương Trà xác định 171 khúc gỗ thông có khối lượng $8,125m^3$ có trị giá là 12.187.500 đồng.

Ngày 02/10/2014 và 16/12/2014, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà ra quyết định trưng cầu giám định tài sản và giám định bổ sung đối với 13 cây thông bị cháy khối lượng tổng cộng là $0,4247m^3$. Qua giám định Hội đồng định giá tài sản thị xã Hương Trà xác định tổng giá trị là 297.290 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Trà đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 171 khúc gỗ thông có khối lượng $8,125m^3$ cho Hợp tác xã Nông nghiệp HH II; trả lại 01 sổ kiểm định an toàn giao thông đường bộ số 0425049 mang BKS 75K-0917; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang BKS 75K-0917 và 01 chiếc cưa máy cầm tay có số hiệu STIHL MS 381 cho các chủ sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án như sau:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2014/HSST ngày 07/3/2014, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm i, o khoản 1 Điều 48; Điều 18; khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn phạt tù được trừ thời hạn tạm giam 26 ngày, còn phải chấp hành 08 tháng 04 ngày tù, tính từ ngày bắt giam thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và Q kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/3/2014, bị cáo Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà kết tội bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 là chưa đúng sự thật khách quan, xâm phạm đến Q và lợi ích hợp pháp, danh dự nhân phẩm của bị cáo. Bởi lẽ: Bị cáo không lên lút chiếm đoạt tài sản nên không phạm tội trộm cắp tài sản, Hợp tác xã nông nghiệp HH II không phải là người được Nhà nước giao quản lý, sử dụng mảnh đất này; việc định giá tài sản là tùy tiện, vi phạm nghiêm trọng quy định về định giá trong tố tụng hình sự, nên không có giá trị pháp lý.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 70/2014/HSPT ngày 27/5/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên đã quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 12/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2015/HSST ngày 30/6/2015, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Hủy

hoại tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 143, điểm h khoản 1 Điều 46, điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 24/10/2013 đến ngày 18/11/2013. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và Q kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/7/2015, bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, cho rằng bị cáo xét xử không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ:

- Chưa xác định đúng vị trí, số lượng cây thông bị hủy hoại.
- Hợp tác xã HH II yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở.
- Việc xác định thiệt hại tại bản kết luận điều tra, cáo trạng và bản án sơ thẩm là thiếu khách quan.
- Hành vi của bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 84/2016/HSPT ngày 16/8/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên đã quyết định: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 08/2015/HSST ngày 30/6/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đối với bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Hủy hoại tài sản”. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 07/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Hủy hoại tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 143, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và Q kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/9/2017 bị cáo Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo Hủy hoại tài sản là không có căn cứ pháp lý, làm oan sai cho bị cáo, bởi các lý do sau:

- Tại thời điểm khai hoang, chặt cây thông thì bị cáo thấy cây và đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng. Sau này bị cáo mới biết là phần đất bị cáo phát hoang đã được UBND huyện Hương Trà cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Bùi Văn TH và bà Hoàng Thị C.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách những người tham gia tố tụng khi nhận định Hợp tác xã HH II là chủ sở hữu tài sản trên đất là không đúng bởi vì UBND huyện Hương Trà đã cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Bùi Văn TH và bà Hoàng Thị C thì tài sản trên thửa đất đó là của ông Th - bà C. Do vậy, bị cáo không phạm tội Hủy hoại tài sản.

- Bị cáo không có mục đích, động cơ gây ra thiệt hại và thực tế thiệt hại cũng không xảy ra.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những nội dung mà bị cáo đã nêu tại đơn kháng cáo ngày 21/9/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đã có cơ sở để kết luận: Vào ngày 19/12/2012, Nguyễn Văn Q đã thuê ông Nguyễn Văn C phát quang khu rừng thuộc dãy núi KN, phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khu rừng này UBND huyện Hương Trà (Nay là thị xã Hương Trà) đã giao cho 32 hộ dân quản lý, sử dụng. Ông C đã thuê thêm 10 người khác cùng làm. Sau khi phát quang xong, Q thuê ông S ở Phú Lộc dùng xe ủi để mở đường lên khu rừng đó. Khoảng tháng 3 năm 2013, Q thuê ông Lê Văn Tr khai quang, cuốc gốc đốt sạch thực bì trên diện tích rừng thông tại tiểu khu 112 và 113 thuộc dãy núi KN. Ông Tr cùng với một số người khác phát đường ranh đốt nhiều lần, trong 4-5 ngày thì đốt xong.

Hậu quả làm cháy 2,228 héc ta rừng tự nhiên mà UBND huyện Hương Trà đã cấp giấy CNQSDĐ cho 06 hộ dân, trong đó có những cây thông mọc tự nhiên (hay còn gọi là thông rai) có đường kính từ 21-60 cm và một phần diện tích rừng mà UBND thị xã Hương Trà đã giao cho HTX Nông nghiệp HH II quản lý, sử dụng.

Sau khi đốt thực bì xong, chiều ngày 20/3/2013, Q gọi điện thuê anh Nguyễn Văn T đến khai thác số cây thông trên diện tích vừa bị đốt cháy để đưa về nhà cho Q. Ngày 21/3/2013, Q dẫn nhóm anh T đến tiểu khu 112, 113 núi KN dùng cưa máy cưa hạ tổng cộng 60 cây thông, sau đó cưa ra thành 171 khúc gỗ thông, còn những người khác thì chặt cành rồi vác lên xe ô tô tải của ông L để chở xuống tập kết tại bãi đất dưới dốc núi KN thì bị chính Q địa phương cùng Công an phường HH phát hiện, kiểm tra lập biên bản và thu giữ toàn bộ tang vật.

Kết quả giám định và giám định bổ sung, Hội đồng định giá tài sản thị xã Hương Trà đã kết luận: 171 khúc gỗ thông có khối lượng 8,125m³, có giá trị 12.187.500đ; 13 cây thông có đường vanh từ 21cm - 60cm có giá trị là 297.290đ. Tổng tài sản bị thiệt hại là: 12.484.790đ.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà kết án bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo cho rằng tại thời điểm khai hoang, đốt phá thực bì thì thửa đất trên không có ai quản lý, sử dụng, tài sản bị thiệt hại không phải là của Hợp tác xã nông nghiệp HH II là không có căn cứ, bởi vì: Hợp tác xã nông nghiệp HH II được UBND thành phố Huế giao đất, giao rừng, cụ thể là giao rừng tự nhiên có diện tích 26 hecta rừng thông thuộc dãy núi KN, xã HH, thành phố H (nay là phường HH, thị xã HT) (Theo quyết định số 115/QĐ ngày 03/5/1983). Đến năm 2008, hộ của ông Bùi Văn Th và bà Hoàng Thị C được UBND huyện Hương Trà cấp giấy chứng nhận Q sử

dụng đất và sử dụng rừng trồng kinh tế. Trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 123 Nghị định 181/NĐ-CP. Tuy nhiên, quá trình lập hồ sơ thiết kế, đo đạc cán bộ địa chính không tiến hành kiểm tra thực địa dẫn đến diện tích đất rừng được cấp và giao cho hộ ông Th, bà C nằm trong phần đất rừng thông tự nhiên của Hợp tác xã nông nghiệp HH II đang quản lý chăm sóc và bảo vệ. Do vậy, khi xem xét đề nghị giao đất, UBND xã HH chỉ lập hồ sơ xét duyệt, nghe báo cáo của cán bộ địa chính mà không kiểm tra xem xét thực trạng nên UBND xã đã không thực hiện việc xử lý tài sản có trên đất tại thời điểm năm 2008 dẫn đến việc UBND huyện Hương Trà có quyết định 932/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 giao đất và cấp GCNQSDĐ cho 32 hộ dân trong đó có hộ của Th- bà C trên diện tích đất có rừng thông mọc tự nhiên của hợp tác xã Nông nghiệp HH II nhưng không có quyết định thu hồi đất và xử lý tài sản trên đất. Theo lời khai của ông Th thì tại thời điểm được cấp đất, ông Th đã thấy trên diện tích đất được UBND huyện Hương Trà cấp đã có rừng thông mọc tự nhiên của Hợp tác xã Nông nghiệp HH II, trong đó có một số cây thông có đường kính từ 30-40cm, còn lại là loại cây thông có đường kính từ 10-30cm. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên ông Th chưa thực hiện việc trồng rừng trên diện tích đất được giao. Mặt khác, theo công văn số 263/UBND-TNMT ngày 27 /02/2015 của UBND thị xã Hương Trà thì *“toàn bộ thông rơi tự nhiên tại khoảnh 5 tiểu khu 112 và khoảnh 3 tiểu khu 113 từ trước đến nay đều do HTX HH II quản lý, bảo vệ”*. Trên thực tế diện tích rừng bị đốt, phá này Hợp tác xã Nông nghiệp HH II vẫn chăm sóc, bảo vệ và có phương án phòng cháy, chữa cháy hằng năm. Như vậy có căn cứ để khẳng định Hợp tác xã Nông nghiệp HH II vẫn là chủ sở hữu số thông đã bị đốt cháy, chặt phá nêu trên.

Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không gây ra thiệt hại gì, không gây nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi xâm hại trực tiếp đến Q sở hữu về tài sản của tổ chức, công dân được pháp luật bảo vệ, cụ thể theo Kết luận định giá tài sản bị hủy hoại là 12.484.790đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết rõ số cây thông rơi trên diện tích rừng thông tại tiểu khu 112 và 113 thuộc dãy núi KN không thuộc Q sở hữu của bị cáo, mà của người khác, nhưng vẫn thuê người chặt phá, gây thiệt hại 12.484.790đ. Vì vậy, cần xử lý thích đáng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Hủy hoại tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan. Hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là nhẹ. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị về phần này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải chịu theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Hủy hoại tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 143, Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND phường HH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thị xã Hương Trà;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- Công an thị xã Hương Trà;
- Chi cục THA thị xã Hương Trà;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS; T HS; THCTP.

NGUYỄN THANH LỘC